

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2020/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 2 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thanh H- sinh năm 1993

Địa chỉ: Thanh Trung, phường N, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T- sinh năm 1992

Địa chỉ: tổ dân phố 6, thị trấn Đắk H, huyện Đắk H, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 4 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 4 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Lê Thị Thanh H và anh Nguyễn Thanh T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* chị Lê Thị Thanh H và anh Nguyễn Thanh T tự nguyện thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Hai đương sự xác nhận vợ chồng có một con chung và thỏa thuận như sau: Giao cháu Nguyễn Lê Gia B sinh ngày 04/12/2017 cho chị Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Thanh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Áp dụng khoản 3 điều 144; khoản 3, khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; Điểm a, khoản 1 điều 24, khoản 7 điều 26; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm (*thuận tình lý hôn*) là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng chẵn*), mỗi đương sự phải chịu một nửa, số tiền này chị Lê Thị Thanh Hnhận chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị Hằng đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*) theo biên lai tạm ứng án phí số AA/2016/0000731 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum. Chị Lê Thị Thanh Hnh được hoàn trả số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng chẵn*)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Đắk Hà;
- Chi cục THADS huyện Đắk Hà;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Đắk Hà;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Quý Nhân